TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2018/DS-ST
Ngày: 28/6/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn
2. Ông Lê Bá Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 577/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2018/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; có trụ sở tại: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Tầng 3, số 296 đường Phan Xích Long, phường 7, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D– Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T hoặc ông Nguyễn Văn M; cùng địa chỉ: Tầng 2, số 296 đường Phan Xích Long, Phường 7, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 1862/2018/UB-VPB ngày 27/01/2018, thay thế văn bản ủy quyền số 6565/2017/UB-VPB ngày 20/12/2017) (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Đình Thanh T; địa chỉ thường trú: Số 93/2 đường Lê Lợi (Số mới: 18/26 đường Lê Lai) Phường 4, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tuấn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) đã cấp Tín dụng cho Ông Trần Đình Thanh T, theo hai Hợp đồng tín dụng (sau đây được viết tắt là Hợp đồng, gồm: Hợp đồng HCM/2014/2818/ HĐTD/UPL ngày 07/5/2014 (Hợp đồng gồm: Giấy đề nghị vay vốn ngày 23/4/2014, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 07/5/2014) Ngân hàng đã giải ngân vào ngày 07/5/2014 cho ông Tsố tiền là 45.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 27%/năm, mức lãi suất sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/1 lần được thể hiện chi tiết trong bảng tính lãi. Đối với Hợp đồng số 2106932 ký ngày 29/10/2014 (Hợp đồng gồm: Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/10/2014; bản điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ ngày 11/10/2014; Thông báo cho vay và phê duyệt của Ngân hàng) Ngân hàng đã giải ngân ngày 29/10/2014 cho ông Tsố tiền 85.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất trong hạn 27%/năm. Lãi suất quá hạn của hai Hợp đồng trên là 40.5%/năm (150% lãi suất trong hạn). Hình thức vay tín chấp, phương thức vay trả góp từng kỳ chia thành 36 tháng theo thông báo cho vay, với mục đích vay tiêu dùng.

Ngân hàng xác nhận giao dịch theo Hợp đồng tín dụng đang tranh chấp trên là giao dịch giữa Ngân hàng với cá nhân ông T . Vì vậy, Ngân hàng chỉ khởi kiện ông T và không yêu cầu trách nhiệm trả nợ đối với cá nhân nào khác trong vụ kiện này.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 14/9/2017 Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện. Theo đơn khởi kiện; bản kê tính lãi và số nợ đã thanh toán lúc khởi kiện đã thể hiện số nợ ông T đã thanh toán đối với Hợp đồng HCM/14/2818/HĐTD/UPL ngày 07/5/2014 là 31.522.515 đồng (trong đó nợ gốc là 18.750.000 đồng và nợ lãi là 12.775.515 đồng); đối với Hợp đồng số 2106932 ngày 29/10/2014 đã thanh toán là 27.990.778 đồng (trong đó nợ gốc là 13.449.012 và nợ lãi là 14.541.766 đồng). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số nợ gốc còn lại và tiền lãi tạm tính đến ngày 14/9/2017 tổng số nợ gốc và lãi của hai Hợp đồng trên là 187.303.429 đồng, trong đó nợ gốc là 97.800.988 đồng và nợ lãi là 65.099.544 đồng, ông T phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo Hợp đồng. Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, định giá, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu của ông T để thu hồi nợ. Do có sự sai sót về số liệu nên ngày 29/01/2018 Ngân hàng có đơn sửa đổi, bổ sung kèm với bản chi tiết tính lãi và điều chỉnh lại số tiền ông Tđã thanh toán cũng như xác định lại yêu cầu khởi kiện, cụ thể đối với Hợp đồng HCM/14/2818/HĐTD/UPL ngày 07/5/2014 ông Tđã thanh toán là 18.750.000 đồng và trả nợ lãi là 12.773.021 đồng, đối với Hợp đồng số 2106932 ngày 29/10/2014 đã thanh toán nợ gốc là 13.439.415 đồng và nợ lãi là 14.541.694 đồng và yêu cầu ông T thanh toán số nợ gốc còn lại và tiền lãi tạm tính đến ngày 14/9/2017 tổng số nợ gốc và lãi của hai Hợp đồng trên là 186.496.887 đồng, trong đó nợ gốc là 97.810.585 đồng và nợ lãi là 101.378.817 đồng, kể từ ngày 15/9/2017 ông T phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản

nợ. Tại bản khai của cũng như ghi nhận ý kiến của ông Tuấn tại biên bản không tiến hành hòa giải được các ngày 03/4/2018 và ngày 24/04/2018 đều thể hiện các khoản nợ vay mà Ngân hàng đã giải ngân cho ông T đúng theo nội dung đơn khởi kiện. Tuy nhiên, đối với số tiền ông T đã thanh toán và số tiền yêu cầu trả nợ tại đơn khởi kiện cũng như tại bản khai của người đại diện nguyên đơn có phần chênh lệch về số liệu, Ngân hàng đã có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 29/01/2018 kèm theo bản chi tiết tính lãi, xác định lại số tiền ông T đã thanh toán cũng như số nợ gốc và lãi Ngân hàng khởi kiện đối với ông . Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 31/01/2018 Ngân hàng đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng HCM/14/2818/HĐTD/UPL ngày 07/5/2014. Ngân hàng chỉ yêu cầu ông T thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 2106932 ngày 29/10/2014 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2018) là 159.632.804 đồng, trong đó nợ gốc là 71.560.585 đồng, nợ lãi trong hạn là 58.687.654 đồng và lãi quá hạn là 29.384.565 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu ông Ttiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2106932 ngày 29/10/2014 kể từ ngày 29/6/2018 cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này.

Ngân hàng thay đổi yêu cầu, cụ thể tại đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ kiện người đại diện của nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, định giá, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu của ông T để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn là Ông Trần Đình Thanh T tại địa chỉ số Số 93/2 đường Lê Lợi (Số mới: 18/26 đường Lê Lai) Phường 4, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, nhưng bị đơn không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào các ngày 03/4/2018 và ngày 24/04/2018 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả các phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng). Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn Ông Trần Đình Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định tư cách người tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ cũng như trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự. Tuy nhiên việc gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu trễ hạn hai ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 2106932 ngày 29/10/2014 thể hiện Ngân hàng TMCP V cho Ông Trần Đình Thanh T vay số tiền 85.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 27%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 36 tháng. Thực hiện Hợp đồng ông T đã trả cho ngân hàng số nợ gốc là 13.439.415 đồng và nợ lãi là 14.541.694 đồng, sau đó không trả thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện ông Ttoàn bộ khoản nợ gốc và lãi là có cơ sở chấp nhận. Đối với lãi suất trong hạn và quá hạn Ngân hàng áp dụng phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Ông Trần Đình Thanh T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 71.560.585 đồng đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 2106932 ngày 29/10/2014.

Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng tín dụng HCM/14/2818/HĐTD/UPL ngày 07/5/2014, Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần V có đơn khởi kiện và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Ông Trần Đình Thanh T trả khoản nợ của hai Hợp đồng HCM/14/2818/HĐTD/UPL ngày 07/5/2014 và Hợp đồng số 2106932 ngày 29/10/2014 là 186.496.887 đồng, trong đó nợ gốc là 97.810.585 đồng và nợ lãi là 101.378.817 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 4, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh thì Ông Trần Đình Thanh T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số C đường L (số mới 18/26 đường L), Phường B, quận G, thực tế ông Tđã bán nhà đi đâu không rõ từ năm 2005. Như vậy, ông Tthay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định luật cư trú đã thể hiện nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của ông Ttrong đơn khởi kiện theo địa chỉ trong hợp đồng tín dụng, việc ông Tthay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận Gò Vấp, căn cứ theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn xác định tranh chấp khoản nợ vay là giao dịch giữa Ngân hàng với ông . Do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu ông T trả nợ mà không yêu cầu cá nhân nào khác cùng có trách nhiệm trả nợ với ông T là phù hợp với nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của Pháp luật về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm (có đơn xin vắng mặt). Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán đối với khoản nợ vay và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng hợp đồng số 2106932 ngày 21/10/2014 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2018) là 159.632.804 đồng, trong đó nợ gốc là 71.560.585 đồng, nợ lãi trong hạn là 58.687.654 và lãi quá hạn là 29.384.565 đồng. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/10/2014; bản điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ ngày 11/10/2014; thông báo cho vay và bản phê duyệt ngày 29/4/2018; bản sao kê chứng minh khoản tiền Ngân hàng đã giải ngân cho ông ; bản tính lãi và sao kê số tiền ông T đã thanh toán cũng như đối chiếu các văn bản, tài liệu khác do Ngân hàng cung cấp đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với Ông Trần Đình Thanh T có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng số 2106932 ngày 29/10/2014. Ngân hàng cho ông Tvay số tiền là 85.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng, lãi suất là 27% /năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức thanh toán khoản nợ vay trả góp, với mục đích vay tiêu dùng. Xét nội dung thoả thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và thỏa

thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện, thực hiện Hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông Tvới số tiền là 85.000.000 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 13.439.415 và trả nợ lãi là 14.541.694 đồng. Từ ngày 30/6/2015 ông T không trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mặc dù đã được Ngân hàng thông báo, nhắc nhở nhiều lần. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã khởi kiện và yêu cầu ông Tthực hiện việc nghĩa vụ trả nợ. Tại đơn khởi kiện ngày 14/9/2017 kèm bảng sao kê tính lãi và chi tiết khoản nợ ông Tđã thanh toán, Ngân hàng thể hiện có sai lệch về số liệu. Tuy nhiên vào ngày 29/01/2018 Ngân hàng đã có đơn sửa đổi, bổ sung kèm bản sao kê tính lãi và tiết khoản nợ ông Tđã thanh toán, đã điều chỉnh lại số liệu đúng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về khoản tiền vay, số tiền đã thanh toán và số nợ còn lại. Việc thay đổi về số liệu và xác định số nợ Ngân hàng yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự và việc sửa đổi này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng như thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2106932 ngày 29/10/2014. Ông Tkhông đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông Tđã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng số 2106932 ngày 29/10/2014, thông báo đòi nợ và các chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 2106932 ngày 29/10/2014 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn toàn bộ khoản nợ là 159.632.804 đồng, trong đó nợ gốc là 71.560.585 đồng, nợ lãi trong hạn là 58.687.654 và lãi quá hạn là 29.384.565 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2106932 ngày 29/10/2014.Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 29/6/2018 ông T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2106932 ngày 29/10/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ gốc và lãi của Hợp đồng HCM/14/2818/HĐTD/UPL ngày 07/5/2014 số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/9/2018 là 50.652.897 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện này đối với ông . Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Nếu sau này nguyên đơn có khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Ngân hàng thay đổi yêu cầu, cụ thể tại đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ kiện người đại diện của nguyên đơn không yêu

cầu Tòa án giải quyết yêu cầu trong trường hợp ông Tkhông thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, định giá, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Tđể thu hồi nợ. Việc thay đổi yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ 159.632.804 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 7.981.640 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.682.586 đồng, theo biên lai thu số AA/2017/0027761 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn Khoản 1 Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238; Khoản 1 và Khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc Ông Trần Đình Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ khoản nợ gốc là 159.632.804 (Một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn tám trăm lẻ bốn) đồng, trong đó nợ gốc là 71.560.585 đồng, nợ lãi trong hạn là 58.687.654 đồng và lãi quá hạn là 29.384.565 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 2106932 ngày 29/10/2014.Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/6/2018 Ông Trần Đình Thanh T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2106932 ngày 29/10/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc yêu cầu Ông Trần Đình Thanh T thanh toán khoản nợ của Hợp đồng tín dụng HCM/14/2818/HĐTD/UPL ngày 07/5/2014 với số tiền tính đến ngày 15/9/2018 là 50.652.897 đồng. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc thay đổi không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu trong trường hợp ông Tkhông thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, định giá, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu của ông T để thu hồi nợ

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Đình Thanh T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 7.981.640 (Bảy triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi) đồng.

- Ngân hàng thương mại cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.682.586 đồng (Bốn triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng), theo biên lai thu số AA/2017/0027761 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần V và Ông Trần Đình Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thành Huế

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN –CHỦTỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thành Huế